

a) Công nhân, viên chức làm việc liên tục từ trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày thôi việc, cứ mỗi năm làm việc được tính đề trợ cấp bằng 50% của một tháng lương kể cả phụ cấp thường xuyên và trợ cấp con, nếu có ;

b) Công nhân, viên chức làm việc từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 liên tục đến ngày thôi việc (kể cả những người làm việc trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 nhưng đã thôi việc, được tuyển dụng lại sau ngày đó), mức trợ cấp cũng tính như trên nhưng nhiều nhất không quá năm tháng lương và ít nhất cũng được 50% của một tháng lương kể cả phụ cấp thường xuyên và trợ cấp con, nếu có ;

c) Khi công nhân, viên chức thôi việc, nếu sức khỏe suy yếu thì không kể đã làm việc từ trước hay sau ngày 20 tháng 7 năm 1954, được trợ cấp thêm một khoản tiền bằng từ nửa tháng đến ba tháng lương (kể cả phụ cấp thường xuyên và trợ cấp con, nếu có) nhưng số tiền trợ cấp thêm này không vượt quá số tiền trợ cấp tính theo thời gian công tác của người đó.

Quân nhân tình nguyện chuyển ngành, công tác ở các cơ quan, xí nghiệp khi thôi việc cũng được trợ cấp như trên. Thời gian phục vụ liên tục trong quân đội đến khi chuyển ngành được tính đề hưởng trợ cấp.

3. Các quyền lợi khác.

Công nhân, viên chức thôi việc, không phân biệt trường hợp được trợ cấp hay không được trợ cấp thôi việc, được hưởng các quyền lợi sau đây :

a) Được cấp tiền tàu xe, tiền cước phí hành lý, tiền ăn dọc đường cho bản thân và gia đình (nếu có gia đình cùng đi) về đến trú quán theo chế độ hiện hành. Trường hợp công nhân viên chức là ngoại kiều muốn xin về quê hương họ thì các khoản tiền này được cấp đến biên giới của nước Việt-nam (trừ trường hợp trong hợp đồng lao động có ghi cụ thể điều kiện và quyền lợi thôi việc).

b) Được tiếp tục cấp phiếu mua gạo khi về địa phương cho bản thân và gia đình (nếu có gia đình đi theo công nhân, viên chức mà trước đó đã được cấp phiếu mua gạo) theo quy định hiện hành ; bản thân được cấp phiếu mua gạo theo chế độ cung cấp của công nhân, viên chức thôi việc và giảm nhẹ biên chế ; gia đình được cấp theo chế độ cung cấp cho những người về nông thôn tham gia sản xuất nông nghiệp.

c) Nữ công nhân, viên chức thôi việc trong trường hợp có thai, nếu thuộc đối tượng thi hành điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội thì dù được trợ cấp hay không được trợ

cấp thôi việc cũng được hưởng trợ cấp sinh đẻ. Khoản trợ cấp này công nhân, viên chức được lĩnh ngay khi thôi việc và do quỹ bảo hiểm xã hội đài thọ.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THI HÀNH

Thông tư này thi hành thống nhất cho công nhân, viên chức làm việc liên tục từ một năm trở lên, không phân biệt đã tuyển dụng chính thức hay chưa, có ký hợp đồng hay không ký hợp đồng lao động trong tất cả các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường của Nhà nước, kể cả các xí nghiệp công tư hợp doanh.

Những người sau đây không thuộc đối tượng thi hành của thông tư này : những người làm việc theo lối khoán tự do, khoán gia công, khoán việc mà cơ quan, xí nghiệp không tuyển dụng và trực tiếp quản lý nhân sự ; những người làm việc theo hợp đồng hưởng lương đặc biệt và trong hợp đồng không ghi quyền lợi hưởng trợ cấp thôi việc ; những người do cơ quan, xí nghiệp tự ý tuyển dụng ngoài chỉ tiêu lao động và không theo đúng thủ tục tuyển dụng kể từ sau ngày ban hành thông tư này.

Thông tư này thay thế những quy định trước đây về trợ cấp thôi việc đối với công nhân, viên chức, và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các trường hợp thôi việc vì phạm kỷ luật hoặc phạm pháp và thôi việc được hưởng theo điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội, không thuộc phạm vi quy định của thông tư này.

Bộ Lao động chịu trách nhiệm giải thích và hướng dẫn thi hành thông tư này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 10 năm 1964

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THÔNG TƯ số 89-TTg-TN ngày 5-10-1964 về việc thống nhất quản lý việc mạ vàng bạc.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước thì trong mấy năm gần đây, nghề mạ vàng bạc tự do ở ngoài phát triển mạnh, đã tiêu phí một số khá lớn vàng bạc làm tác động đến giá vàng bạc trên thị trường.

Đề triệt đề tiết kiệm sử dụng vàng bạc trong nền kinh tế quốc dân, và thống nhất quản lý việc mạ bằng vàng bạc thật, nay Thủ tướng Chính phủ quy định :

1. Việc mạ bằng vàng bạc thật phải đặt dưới sự quản lý thống nhất của Ngân hàng Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước như Tổng cục Chính trị, Viện Huân chương, các tổ chức, các ngành kinh tế văn hóa cấp mạ bằng vàng bạc các loại huân chương, huy chương hoặc cần dùng những loại sản phẩm mạ bằng vàng bạc đều phải lập kế hoạch xin cung cấp vàng bạc và giao số vàng bạc được cung cấp cho tổ chức chuyên trách về mạ vàng bạc do Ngân hàng Nhà nước trực tiếp quản lý.

Tư nhân cần mạ đồ dùng bằng vàng bạc cũng phải đem vàng bạc của mình đặt làm cho tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chuyên trách về vấn đề này.

2. Tổ chức chuyên trách về mạ vàng bạc là Công ty Mỹ nghệ vàng bạc và các cửa hàng vàng bạc của Ngân hàng Nhà nước.

3. Hợp tác xã thủ công và thợ thủ công cá thể không được trực tiếp nhận hàng của cơ quan Nhà nước hoặc của tư nhân để mạ bằng vàng bạc thật mà chỉ được làm những hàng do Ngân hàng Nhà nước gia công mà thôi.

4. Các tổ chức thương nghiệp, văn hóa phải cùng với các ngành có liên quan tích cực nghiên cứu tìm chất thay thế vàng, bạc trong việc sản xuất các mặt hàng tiêu dùng về mỹ nghệ để hết sức hạn chế việc mạ vàng bạc thật.

5. Các tổ chức thương nghiệp không được phép bán các chất hóa học dùng trong việc mạ vàng bạc cho hợp tác xã thủ công và thợ thủ công cá thể nếu không có giấy giới thiệu của Ngân hàng Nhà nước.

6. Ngân hàng Nhà nước phải nghiên cứu quy định các biện pháp cần thiết để quản lý việc mạ vàng bạc và phải cùng Ban Liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp nghiên cứu kế hoạch chuyên nghề cho những người làm nghề mạ vàng bạc, trừ những hợp tác xã thủ công nghiệp mà Ngân hàng Nhà nước vẫn sử dụng trong việc gia công mạ bằng vàng bạc.

7. Các Sở, Ty Công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương từ nay về sau không được cấp giấy đăng ký mạ vàng bạc cho các hợp tác xã thủ công nghiệp và cá thể; đồng thời phải kết hợp với việc chuyên nghề mà thu hồi đăng ký đã cấp đối với những người đã đủ điều kiện sinh sống bằng nghề khác.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành thông tư này.

Hà-nội, ngày 5 tháng 10 năm 1964

K.T Thủ tướng Chính phủ
Phò thủ tướng
PHẠM HÙNG

CHỈ THỊ số 91-TTg-VG ngày 6-10-1964 về việc tăng cường tiêu diệt bệnh sốt rét ở miền Bắc.

I. TÌNH HÌNH BỆNH SỐT RÉT TRƯỚC NGÀY CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHỦ TRƯỞNG TIÊU DIỆT BỆNH SỐT RÉT Ở MIỀN BẮC NƯỚC TA

Vùng rừng núi ở miền Bắc nước ta là vùng giàu có về lâm sản, khoáng sản, nhưng dưới chế độ phong kiến, đế quốc, nhân dân vùng này thường xuyên bị bệnh sốt rét tác hại: đa số bị bụng báng, da vàng, sức khỏe yếu mòn; phụ nữ mắc bệnh sốt rét thường bị sảy thai, đẻ non; trẻ em chết yểu. Do đó sản xuất bị giảm sút, đời sống nghèo nàn, lạc hậu.

Người dân tộc ít người khi mắc bệnh sốt rét thì cho là do ma bắt. Người miền xuôi sợ hãi vùng rừng núi là nơi "ma thiêng nước độc".

Sau ngày hòa bình được lập lại, tình hình bệnh sốt rét ở miền Bắc cụ thể như sau :

	Tỷ lệ người sưng lá lách	Tỷ lệ người mang ký sinh trùng sốt rét
Thái-nguyên	41, 2%	9, 2%
Hà-giang	38,55%	10,76%
Bắc-cạn	37,42%	10,33%
Tuyên-quang	36,15%	15, 5%
Nghệ-an (miền núi)	45, 2%	8, 8%
Thái Mèo	28, 4%	7, 7%
	đến 57%	v.v...
Nhiều nơi 80% nhân dân bụng báng.		

Ở các bệnh viện, bệnh xá, nhân dân ốm và chết về bệnh sốt rét chiếm tỷ lệ rất cao so với các bệnh khác.